**Tuần:**

**Ngày soạn:**

**Ngày dạy:**

**Tiết :BÀI 34- HỆ THẦN KINH VÀ CÁC GIÁC QUAN Ở NGƯỜI**

Thời gian thực hiện: (3 tiết)

**I. Mục tiêu:** Sau khi học xong bài này học sinh có khả năng:

**1. Về kiến thức:**

- Nêu được chức năng của hệ thần kinh. Dựa vào hình ảnh, kể tên được hai bộ phận của hệ thần kinh (trung ương và ngoại biên).

- Trình bày được một số bệnh về hệ thần kinh và cách phòng các bệnh đó.

- Nêu được tác hại của các chất gây nghiện đối với hệ thần kinh. Không sử dụng các chất gây nghiện và tuyên truyền hiểu biết cho người khác.

- Nêu được chức năng của giác quan nói chung và thị giác, thính giác.

- Kể được tên các bộ phận của mắt và sơ đồ đơn giản của quá trình thu nhận ánh sáng liên hệ được kiến thức truyền ánh sáng trong thu nhận ánh sáng ở mắt.

- Kể tên được các bộ phận của tai ngoài, tai giữa, tai trong và sơ đồ đơn giản của quá trình thu nhận âm thanh. Liên hệ được cơ chế truyền âm thanh trong thu nhận âm thanh ở tai.

- Vận dụng được hiểu biết về các giác quan để bảo vệ bản thân và người thân trong gia đình.

- Trình bày được một số bệnh về thị giác, thính giác và cách phòng, chống các bệnh đó. Tìm hiểu được các bệnh và tật về mắt trong trường học tuyên truyền chăm sóc và bảo vệ đôi mắt

**2. Về năng lực:**

\* Năng lực chung:

- Năng lực tự học: Học sinh chủ động tìm hiểu các chất gây nghiện ảnh hưởng tới hệ thần kinh. Tìm hiểu bệnh, tật về mắt thường gặp ngoài thực tiễn hoặc trên internet.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm để tìm hiểu cấu tạo và chức năng của hệ thần kinh,

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nêu các tật, bệnh về mắt thường gặp ở lứa tuổi học đường, nguyên nhân, cách khắc phục, cách phòng tránh các bệnh, tật đó.

\*Năng lực khoa học tự nhiên:

- Năng lực nhận thức KHTN: nêu được chức năng của hệ thần kinh một số bệnh về hệ thần kinh, tác hại của chất gây nghiện đối với hệ thần kinh. Kể tên các bộ phận của mắt, tai và các chất gây nghiện thường gặp.

- Năng lực tìm hiểu KHTN: vẽ được sơ đồ đơn giản cơ chế thu nhận ánh sáng và âm thanh

- Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Vận dụng được hiểu biết về các giác quan để bảo vệ bản thân và người thân trong gia đình.

**3. Về phẩm chất:**

- Chăm chỉ: Đọc trước bài 34, tìm hiểu cấu tạo, chức năng, các bệnh của hệ thần kinh, mắt, tai

- Trung thực: Trình bày đúng nội dung thảo luận trong báo cáo.

- Trách nhiệm: chủ động tiếp nhận và thực hiện nhệm vụ trong hoạt động nhóm.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Giáo viên:**

- Hình 34.1, 34.2, 34.3

- Phiếu học tập.

- Máy chiếu.

**2. Học sinh:**

- Tìm hiểu cấu tạo, chức năng hệ thần kinh, các bệnh về thần kinh thường gặp, các chất gây hại cho hệ thần kinh.

- Tìm hiểu cấu tạo, chức năng của mắt. Các bệnh về mắt thường gặp, cách phòng tránh.

- Tìm hiểu cấu tạo, chức năng của tai. Các bệnh về mắt thường gặp, cách phòng tránh.

**III. Tiến trình dạy học**

**Tiết 1**

**1. Hoạt động 1: Mở đầu** ( 5 phút)

**a) Mục tiêu:**

- Khai thác hiểu biết của học sinh về các giác quan, tạo hứng thú cho hs trong học tập.

**b) Nội dung:**

- Trên cơ thể người có mấy giác quan? Đó là các giác quan nào?

**c) Sản phẩm:**

- Cơ thể người có 5 giác quan: Thính giác, thị giác, vị giác, khứu giác và xúc giác.

**d) Tổ chức thực hiện:**

| **Hoạt động của GV - HS** | **Tiến trình nội dung** |
| --- | --- |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập: Gv yêu cầu hs hoạt động cá nhân trả lời câu hỏi**  - Trên cơ thể người có mấy giác quan? Đó là các giác quan nào?  **\* HS thực hiện nhiệm vụ**  - Hs làm việc cá nhân thực hiện nhiệm vụ  **\* Báo cáo, thảo luận**  - Gv gọi 1 số hs trình bày ý kiến, hs khác nhận xét bổ sung.  **\* Kết luận, nhận định**  -Gv ghi nhận kết quả của hs |  |

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức** ( 30 phút)

**Hoạt động 2.1: Cấu tạo và chức năng của hệ thần kinh** ( 5 phút)

**a) Mục tiêu:**

- Nêu được chức năng của hệ thần kinh. Dựa vào hình ảnh, kể tên được hai bộ phận của hệ thần kinh (trung ương và ngoại biên).

**b) Nội dung:**

H1: Quan sát hình 34.1 nêu tên các bộ phận cấu tạo nên hệ thần kinh. Mỗi bộ phận đó gồm những cơ quan nào?

H2: Nêu chức năng của hệ thần kinh đối với cơ thể người?

**c) Sản phẩm:**

H1: Hệ thần kinh gồm bộ phận thần kinh trung ương và bộ phận thần kinh ngoại biên.

+ Bộ phận thần kinh trung ương gồm: não bộ và tuỷ sống

+Bộ phận thần kinh ngoại biên gồm dây thần kinh và hạch thần kinh

H2: Chức năng của hệ thần kinh: Hệ thần kinh điều khiển, điều hoà và phối hợp hoạt động của các cơ quan, hệ cơ quan trong cơ thể.

**d) Tổ chức thực hiện:**

| **Hoạt động của GV - HS** | **Nội dung** |
| --- | --- |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập:** GV yêu cầu học sinh nghiên cứu thông tin, quan sát hình 34.1 trả lời câu hỏi H1, H2  **\* HS thực hiện nhiệm vụ**  - Hs hoạt động cá nhân trả lời câu hỏi H1, H2  **\* Báo cáo, thảo luận**  - Gv gọi 1 vài học sinh trả lời - hs khác nhận xét bổ sung  **\* Kết luận, nhận định**  Gv nhận xét đánh giá và chốt nội dung  - | **I.Hệ thần kinh**  1.Cấu tạo và chức năng của hệ thần kinh :  **Cấu tạo** : Hệ thần kinh gồm bộ phận thần kinh trung ương và bộ phận thần kinh ngoại biên.  + Bộ phận thần kinh trung ương gồm: não bộ và tuỷ sống  +Bộ phận thần kinh ngoại biên gồm dây thần kinh và hạch thần kinh  **Chức năng**: Hệ thần kinh điều khiển, điều hoà và phối hợp hoạt động của các cơ quan, hệ cơ quan trong cơ thể. |

**Hoạt động 2.2: Một số bệnh về hệ thần kinh** ( 7 phút)

**a) Mục tiêu:**

Trình bày được một số bệnh về hệ thần kinh và cách phòng các bệnh đó

**b) Nội dung:**

- Gv giao nhiệm vụ theo nhóm (4 nhóm) tìm hiểu một số bệnh về hệ thần kinh

Nhóm 1: Bệnh tai biến mạch máu não

Nhóm 2: Bệnh thoát vị đĩa đệm

Nhóm 3 : Bệnh Parkinson

Nhóm 4: Bệnh Alzheimer

- Nêu cách phòng tránh các bệnh về hệ thần kinh?

**c) Sản phẩm:**

-Câu trả lời của hs

- Bệnh Parkinson: do thoái hoá tế bảo thần kinh, xuất phát từ các nguyên nhân cao tuổi, nhiễm khuẩn (viêm não) hoặc nhiễm độc thần kinh. Bệnh gây suy giảm chức năng vận động, dẫn đến các triệu chứng run tay, mất thăng bằng, khó khăn khi di chuyển. Bệnh thường gặp ở người cao tuổi. Để phòng bệnh, nên bổ sung vitamin D từ thực phẩm hoặc tắm nắng, luyện tập thể dục, thể thao hợp lí, tránh xa môi trường độc hại.

- Bệnh động kinh: do rối loạn hệ thống thần kinh trung ương, nguyên nhân có thể do di truyền, chấn thương hoặc các bệnh về não. Triệu chứng phổ biến của bệnh là co giật hoặc có những hành vi bất thường, đôi lúc mất ý thức. Để phòng bệnh, nên giữ tinh thần vui vẻ, ngủ đủ giấc, luyện tập thể dục, thể thao hợp lí, ăn uống đủ chất.

- Bệnh Alzheimer: do rối loạn thần kinh, thường gặp ở người cao tuổi. Người bị bệnh có những triệu chứng phổ biến như mất trí nhớ, giảm khả năng ngôn ngữ, lầm cấm, khả năng hoạt động kém. Để phòng bệnh, nên luyện trí não bằng cách đọc sách, báo có chế độ ăn uống hợp lí giữ tinh thần thoải mái và tăng cường vận động.

**d) Tổ chức thực hiện:**

| **Hoạt động của GV - HS** | **Nội dung** |
| --- | --- |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập**  Gv yêu cầu các nhóm báo cáo kết quả chuẩn bị của nhóm mình  **\* HS thực hiện nhiệm vụ**  - Các nhóm cử đại diện trình bày kết quả thảo luận  **\* Báo cáo, thảo luận**  - Gv yêu cầu các nhóm khác nhận xét bổ sung  **\* Kết luận, nhận định**  - Gv nhận xét, đánh giá hoạt động học tập của học sinh, chốt kiến thức về một số bệnh về hệ thần kinh và cách phòng tránh các bệnh về hệ thần kinh | **2**. **Một số bệnh về hệ thần kinh**  Bệnh tai biến mạch máu não  Bệnh thoát vị đĩa đệm  Bệnh Parkinson  Bệnh Alzheimer  Cách phòng bệnh về hệ thần kinh:  + Thực hiện chế độ dinh dưỡng hợp lí.  + Thực hiện lối sống lành mạnh như luyện tập thể thao thường xuyên, không sử dụng các chất gây nghiện, chất kích thích đối với hệ thần kinh,…  + Đảm bảo giấc ngủ.  + Kiểm tra sức khoẻ định kì.  + Ngoài ra, cần suy nghĩ tích cực, tham gia nhiều hoạt động xã hội, giao tiếp và học tập. |

**Hoạt động 2.3: Tác hại của chất gây nghiện đối với hệ thần kinh** ( 10 phút)

**a) Mục tiêu:**

- Nêu được tác hại của các chất gây nghiện đối với hệ thần kinh. Không sử dụng các chất gây nghiện và tuyên truyền hiểu biết cho người khác.

**b) Nội dung:**

H3: Thế nào là chất gây nghiện? Kể tên một số chất gây nghiện em biết?

H4: Nêu tác hại của chất gây nghiện đối với cơ thể?

**c) Sản phẩm:**

-Câu trả lời của hs

**d) Tổ chức thực hiện:**

| **Hoạt động của GV - HS** | **Nội dung** |
| --- | --- |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập**  Gv yêu cầu hs hoạt động cá nhân trả lời câu hỏi  H3: Thế nào là chất gây nghiện? Kể tên một số chất gây nghiện em biết?  H4: Nêu tác hại của chất gây nghiện đối với cơ thể?  **\* HS thực hiện nhiệm vụ**  - Hs nghiên cứu thông tin, trả lời câu hỏi  **\* Báo cáo, thảo luận**  - Gv yêu cầu một số hs trả lời, hs khác nhận xét bổ sung  **\* Kết luận, nhận định**  - Gv nhận xét, đánh giá hoạt động học tập của học sinh, chốt kiến thức về một số bệnh về chất gây nghiện và tác hại của chất gây nghiện | **3**. **Tác hại của chất gây nghiện đối với hệ thần kinh**  - Chất gây nghiện là những chất khi hấp thụ vào cơ thể ó thể làm thay đổi chức năng bình thường của cơ thể theo hướng tạo ra sự phụ thuộc của cơ thể đối với chất đó hoặc cảm giác thèm, muốn sử dụng chất đó.  - Một số chất gây nghiện : thuốc lá, rượu bia, ma tuý, cần sa…  -Tác hại của chất gây nghiện : Kích thích gây hưng phấn hệ thần kinh, gây ảo giác, gây nghiện, rối loạn trí nhớ, trầm cảm, hoang tưởng… |

**3. Hoạt động 3: Luyện tập** (5 phút)

**a) Mục tiêu:**

- Củng cố, khắc sâu kiến thức về cấu tạo, chức năng của hệ thần kinh.

**b) Nội dung:**

- Gv yêu cầu Hs hoàn thành câu hỏi 2 SGK/ 163 ( lấy các ví dụ thể hiện vai trò của hệ thần kinh đối với cơ thể người ?)

**c) Sản phẩm:**

- Câu trả lời của học sinh.

**d) Tổ chức thực hiện:**

| **Hoạt động của GV - HS** | **Tiến trình nội dung** |
| --- | --- |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập**  - Gv yêu cầu Hs hoàn thành câu hỏi 2 SGK/ 163  **\* HS thực hiện nhiệm vụ**  - Ca nhân hoàn thành phiếu học tập số 1.  **\* Báo cáo, thảo luận**  - Gọi 1-2 học sinh trình bày kết quả.  **\* Kết luận, nhận định**  -HS nhận xét, đánh giá.  - Gv nhận xét, đánh giá. | -  Khi chạy, hệ vận động làm việc với cường độ lớn. Cùng lúc đó, dưới sự điều khiển của hệ thần kinh, các hệ cơ quan khác cũng tăng cường hoạt động: nhịp tim tăng, mạch máu giãn, thở nhanh và sâu, mồ hôi tiết nhiều,… để đáp ứng nhu cầu của cơ thể trong trường hợp này. Điều đó chứng tỏ hệ thần kinh có vai trò điều khiển, điều hòa và phối hợp hoạt động của các các cơ quan, hệ cơ quan trong cơ thể.  - Khi bị tổn thương vùng vận động ở não hoặc tổn thương dây thần kinh vận động, bệnh nhân bị giảm hoặc mất đi khả năng vận động của cơ thể. Điều đó chứng tỏ hệ thần kinh có vai trò điều khiển hoạt động có ý thức của cơ thể.  - Khi ánh sáng quá mạnh đi vào mắt, đồng tử của mắt sẽ được điều chỉnh co lại để hạn chế ánh sáng vào mắt; ngược lại, khi cường độ ánh sáng yếu, đồng tử của mắt sẽ được điều chỉnh dãn rộng ra để nhìn vật được rõ hơn. Điều đó chứng tỏ hệ thần kinh có vai trò điều khiển hoạt động không có ý thức của cơ thể. |

**4. Hoạt động 4: Vận dụng** (5 phút)

**a) Mục tiêu:**

- Vận dụng được hiểu biết về các giác quan để bảo vệ bản thân và người thân trong gia đình.

- Tuyên truyền cho mọi người tác hại của việc sử dụng chất gây nghiện.

**b) Nội dung:**

- HS hoàn thành câu hỏi vận dụng 1 SGK/163 ( Nêu ý nghĩa của việc đội mũ bảo hiểm khi điều khiển phương tiện giao thông và mũ bảo hộ khi tham gia lao động ở một số công trường, nhà máy.)

- Thiết kế tờ rơi /bài trình bày để tuyên truyền cho mọi người tác hại của việc sử dụng chất gây nghiện.

Bước 1: Tìm hiểu thông tin về tác hại của chất gây nghiện.

Bước 2: Thiết kế tờ rơi bài trình bày nêu lên tác hại của việc sử dụng chất gây nghiện.

Bước 3: Trình bày nội dung tờ rơi bài trình bày với người thân bạn bè.

**c) Sản phẩm:**

- Câu trả lời của học sinh.

**d) Tổ chức thực hiện:**

| **Hoạt động của GV - HS** | **Tiến trình nội dung** |
| --- | --- |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập**  - HS hoàn thành câu hỏi vận dụng 1 SGK/  - Thiết kế tờ rơi /bài trình bày để tuyên truyền cho mọi người tác hại của việc sử dụng chất gây nghiện.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS hoàn thành câu hỏi vận dụng 1.  - Tờ rơi/ bài tuyên truyền về nhà hoàn thành nộp sản phẩm vào tiết sau.  **\* Báo cáo, thảo luận**  - HS trình bày kết quả.  **\* Kết luận, nhận định**  - Hs nhận xét , đánh giá.  - GV nhận xét, đánh giá. | Việc đội mũ bảo hiểm khi điều khiển phương tiện giao thông và mũ bảo hộ khi tham gia lao động ở một số công trường, nhà máy sẽ giúp bảo vệ não bộ – cơ quan quan trọng có vai trò sống còn bậc nhất trong cơ thể tránh khỏi được những tổn thương trong trường hợp có tai nạn xảy ra. Nhờ đó, việc này sẽ giúp giảm thiểu hậu quả do tai nạn gây ra, đặc biệt là giảm số ca tử vong do chấn thương sọ não – một trong những nguy cơ tử vong hàng đầu trong các tai nạn giao thông và tai nạn lao động. |

**⏩ Hướng dẫn tự học ở nhà** (1phút)

- Tìm hiểu cấu tạo của cơ quan thị giác.

- Tìm hiểu một số bệnh, tật về mắt.

**Tiết 2**

**1. Hoạt động 1: Mở đầu** (5 phút)

**a) Mục tiêu:**

- Khai thác hiểu biết của học sinh về các giác quan, tạo hứng thú cho hs trong học tập.

**b) Nội dung:**

- Những cơ quan nào của con người tham gia vào quá trình tiếp nhận hình ảnh, âm thanh?

**c) Sản phẩm:**

Cơ quan tham gia tiếp nhận hình ảnh là mắt, tiếp nhận âm thanh là tai

**d) Tổ chức thực hiện:**

| **Hoạt động của GV - HS** | **Tiến trình nội dung** |
| --- | --- |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập: Gv yêu cầu hs hoạt động cá nhân trả lời câu hỏi**  - Những cơ quan nào của con người tham gia vào quá trình tiếp nhận hình ảnh, âm thanh?  **\* HS thực hiện nhiệm vụ**  - Hs làm việc cá nhân thực hiện nhiệm vụ  **\* Báo cáo, thảo luận**  - Gv gọi 1 số hs trình bày ý kiến, hs khác nhận xét bổ sung.  **\* Kết luận, nhận định**  -Gv ghi nhận kết quả của hs |  |

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức** (….. phút)

**Hoạt động 2.1: Cơ quan thị giác** (….. phút)

**a) Mục tiêu:**

- Nêu được chức năng của thị giác.

- Kể được tên các bộ phận của mắt và sơ đồ đơn giản của quá thu nhận ánh sáng liên hệ được kiến thức truyền ánh sáng trong thu nhận ánh sáng ở mắt.

**b) Nội dung:**

- Cơ quan cảm giác có vai trò gì?

- Quan sát hình 34.2 và cho biết:

a. Cấu tạo của cơ quan thị giác gồm những bộ phận nào?

b. Vẽ sơ đồ đơn giản quá trình thu nhận ánh sáng từ vật đến võng mạc trong cầu mắt.

-Nêu chức năng của cơ quan thị giác?

**c) Sản phẩm:**

a. Cấu tạo của cơ quan thị giác gồm các bộ phận là: Cầu mắt, dây thần kinh thị giác, trung khu thị giác ở não bộ.

b. Sơ đồ đơn giản quá trình thu nhận ánh sáng từ vật đến võng mạch trong cầu mắt:

Ánh sáng từ vật → Giác mạc → Thủy dịch → Đồng tử → Thủy tinh thể → Dịch thủy tinh → Võng mạc.

**d) Tổ chức thực hiện:**

| **Hoạt động của GV - HS** | **Nội dung** |
| --- | --- |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập**  - Giáo viên yêu cầu học sinh nghiên cứu thông tin Quan sát hình 34.2 và trả lời câu hỏi 4 sách giáo khoa trang 164  **\* HS thực hiện nhiệm vụ**  - Học sinh hoạt động cá nhân thực hiện nhiệm vụ  **\* Báo cáo, thảo luận**  - Giáo viên gọi 1 đến 2 học sinh báo cáo kết quả, học sinh khác nhận xét bổ sung  **\* Kết luận, nhận định**  - Giáo viên nhận xét hoạt động của học sinh đánh giá và chốt kiến thức. | II.Cơ quan cảm giác :  Cơ quan cảm giác giúp cơ thể cảm nhận các kích thích từ môi trường.  1. Cơ quan thị giác  a. Cấu tạo, chức năng :  -. Cấu tạo của cơ quan thị giác gồm các bộ phận là: Cầu mắt, dây thần kinh thị giác, trung khu thị giác ở não bộ.  - Chức năng giúp cảm nhận hình ảnh và màu sắc của vật.  . Sơ đồ đơn giản quá trình thu nhận ánh sáng: Ánh sáng từ vật → Giác mạc → Thủy dịch → Đồng tử → Thủy tinh thể → Dịch thủy tinh → Võng mạc |

**Hoạt động 2.2: Một số bệnh tật về mắt** (….. phút)

**a) Mục tiêu:**

- Trình bày được một số bệnh về thị giác và cách phòng, chống các bệnh đó. Tìm hiểu được các bệnh và tật về mắt trong trường học tuyên truyền chăm sóc và bảo vệ đôi mắt

**b) Nội dung:**

- Học sinh trình bày hiểu biết về một số bệnh tật của mắt.

- Nêu biện pháp để phòng các bệnh tật của mắt?

**c) Sản phẩm:**

- Khả năng nhìn có thể bị suy giảm do một số bệnh và tật như bệnh đau mắt đỏ, tật cận thị, viễn thị và loạn thị.

+ Bệnh đau mắt đỏ do virus Adeno, vi khuẩn Staphylococcus,... gây nên. Người bị bệnh đau mắt đỏ có các triệu chứng như đỏ mắt, chảy nước mắt, có nhiều ghèn (dù) mắt, cộm mắt.

**+ Bệnh khô mắt :** Nguyên nhân là do tuyến lệ trong mắt tiết ra quá ít nước khiến mắt khô rát. Biểu hiện thường gặp của [bệnh khô mắt](http://benhvienmatphuongnam.com/tags/benh-kho-mat/) là mắt bị khô, nhức mắt, chảy nước mắt, nặng hơn sẽ có cảm giác rát ở mắt. Người làm văn phòng thường xuyên phải tiếp xúc với máy tính hay những lái xe đường dài, những người tuổi cao cũng rất dễ mắc bệnh này.

**+ Đục thủy tinh thể** : Khi nhắc đến các bệnh về mắt, không thể bỏ qua thoái hóa điểm vàng và đục thủy tinh thể - những căn bệnh phổ biến, dễ dàng gây mù lòa. Nguyên nhân mắc bệnh có thể do tuổi cao, chế độ dinh dưỡng thiếu hụt, di truyền. Biểu hiện của bệnh là lóe mắt, nhìn mờ, hình ảnh biến dạng, nhìn tối rõ hơn nhìn sáng.

+ Cận thị, viễn thị và loạn thị là các tật về mắt. Khi bị mắc các tật này, ảnh của vật sẽ không hiện trên màng lưới.

+ Cận thị có thể do bẩm sinh cầu mắt dài hoặc do nhìn gần khi đọc sách hay làm việc trong ánh sáng yếu, lâu dẫn làm thể thuỷ tinh phóng lên. Tình trạng này kéo dài làm thể thuỷ tinh mất dần khả năng đàn hồi.

+ Viễn thị có thể do cấu mắt quả ngắn hoặc thể thuỷ tinh bị lão hoá xẹp xuống khó phóng lên.

+ Loạn thị do giác mạc bị biến dạng không đều khiến các tia sáng đi vào mắt hội tụ ở nhiều điểm.

-Để phòng bệnh tật về mắt cần thực hiện:

+Chế độ dinh dưỡng đủ Vitamin A.

+ Bảo vệ mắt: đọc sách đủ ánh sáng, giữ đúng khoảng cách, …

+ Vệ sinh mắt thường xuyên không dùng chung khăn mặt

+ Nếu mắt bị tật khúc xạ cần đeo kính đúng độ và khám mắt định kỳ

**d) Tổ chức thực hiện:**

| **Hoạt động của GV - HS** | **Nội dung** |
| --- | --- |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập**  - Giáo viên yêu cầu các nhóm báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ ở nhà  **\* HS thực hiện nhiệm vụ**  - Các nhóm cử đại diện báo cáo kết quả hoạt động của nhóm mình:  Nhóm 1: các bệnh về mắt  Nhóm 2: Các tật của mắt  Nhóm 3: biện pháp để phòng các bệnh tật của mắt  **\* Báo cáo, thảo luận**  - Đại diện nhóm trình bày kết quả, nhóm khác nhận xét bổ sung  **\* Kết luận, nhận định**  - Gv nhận xét, đánh giá hoạt động học tập của học sinh, chốt kiến thức về một số bệnh về mắt và cách phòng tránh các bệnh về mắt. | b.Một số bệnh tật về mắt  - Bệnh về mắt: viêm kết mạc, đục thủy tinh thể, lác mắt, tăng nhãn áp ,viêm giác mạc,…  - Các tật về mắt: cận thị, viễn thị, loạn thị, …  - Để phòng bệnh, tật về mắt cần thực hiện:  +Chế độ dinh dưỡng đủ Vitamin A.  + Bảo vệ mắt: đọc sách đủ ánh sáng, giữ đúng khoảng cách, …  + Vệ sinh mắt thường xuyên không dùng chung khăn mặt  + Nếu mắt bị tật khúc xạ cần đeo kính đúng độ và khám mắt định kỳ |

**3. Hoạt động 3: Luyện tập** (5 phút)

**a) Mục tiêu:**

- Học sinh kể thêm một số bệnh tật về mắt

**b) Nội dung:**

- Nêu thêm một số bệnh tật về mắt?

**c) Sản phẩm:**

- Câu trả lời của học sinh

**d) Tổ chức thực hiện:**

| **Hoạt động của GV - HS** | **Nội dung** |
| --- | --- |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập**  - Gv yêu cầu học sinh trả lời câu hỏi 5 sách giáo khoa trang 164.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ**  - Học sinh hoạt động cá nhân  **\* Báo cáo, thảo luận**  - Gv gọi 1, 2 học sinh trả lời, học sinh khác nhận xét bổ sung  **\* Kết luận, nhận định**  -Giáo viên chốt kiến thức. | Một số bệnh, tật khác về mắt: thoái hóa điểm vàng, dị ứng mắt, viêm bờ mi mắt, lẹo mắt, lác mắt, giác mạc hình nón, quáng gà, đau mắt hột,… |

**4. Hoạt động 4: Vận dụng** (5 phút)

**a) Mục tiêu:**

- Vận dụng được hiểu biết về các giác quan để bảo vệ bản thân và người thân trong gia đình.

**b) Nội dung:**

- Thực hiện dự án điều tra tỉ lệ học sinh bị tật khúc xạ (loạn thị, viễn thị, cận thị) ở trường em theo các bước điều tra ở bài 28, trang 135.

**c) Sản phẩm:**

- Học sinh tiến hành điều tra và báo cáo tỉ lệ học sinh bị tật khúc xạ ở trường em đang theo học.

- Mẫu tham khảo:

**BÁO CÁO**

**DỰ ÁN ĐIỀU TRA TỈ LỆ HỌC SINH BỊ TẬT KHÚC XẠ TẠI TRƯỜNG**

**1. Kết quả điều tra**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên lớp** | **Tổng số người trong lớp** | **Số người bị tật khúc xạ** |
| 1 | Lớp |  |  |
| 2 | Lớp |  |  |
| 3 | … |  |  |
| Tổng | |  |  |

**2. Xác định tỉ lệ mắc bệnh**

- Tỉ lệ học sinh bị tật khúc xạ là:

- Nhận xét về tỉ lệ học sinh bị tật khúc xạ:

**3. Đề xuất một số cách phòng tránh**

**d) Tổ chức thực hiện:**

| **Hoạt động của GV - HS** | **Nội dung** |
| --- | --- |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập**  - Giáo viên hướng dẫn học sinh thực hiện dự án  **\* HS thực hiện nhiệm vụ**  - Học sinh phân công nhiệm vụ, lên kế hoạch thực hiện  **\* Báo cáo, thảo luận**  - Học sinh nộp kết quả vào tiết học sau  **\* Kết luận, nhận định**  -Giáo viên nhận xét, đánh giá hoạt động của nhóm học sinh |  |

**⏩ Hướng dẫn tự học ở nhà** (….. phút)

- Học sinh tìm hiểu cấu tạo và chức năng của tai.

- Học sinh tìm hiểu một số bệnh về tai.  
**Tiết 3**

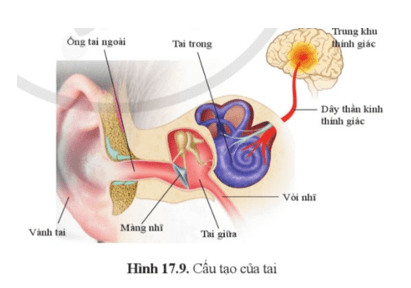
**Hoạt động 2.3:** C**ơ quan thính giác** (….. phút)

**a) Mục tiêu:**

-Kể tên được các bộ phận của tai ngoài, tai giữa, tai trong và sơ đồ đơn giản của quá trình thu nhận âm thanh. Liên hệ được cơ chế truyền âm thanh trong thu nhận âm thanh ở tai.

**b) Nội dung:**

-Dựa vào hình 17.9, trang 88, cho biết:

  
a. Cấu tạo của cơ quan thính giác.

b. Tên các bộ phận cấu tạo của tai.

c) Viết sơ đồ truyền âm thanh từ nguồn phát âm đến tế bào thụ cảm âm thanh ở ốc tai.

- Kể tên một số bệnh về tai?

**c) Sản phẩm:**

a. Cấu tạo của cơ quan thính giác gồm: tai, dây thần kinh thính giác, trung khu thính giác.

b. Tên các bộ phận cấu tạo của tai: Tai ngoài (gồm vành tai, ống tai ngoài), tai giữa (có màng nhĩ, chuỗi xương tai, või nhĩ) và tai trong (có ốc tai chứa các tế bào cảm thụ âm thanh).

c. Sơ đồ truyền âm thanh từ nguồn phát âm đến tế bào thụ cảm âm thanh ở ốc tai: Âm thanh từ nguồn phát âm → Vành tai → Ống tai ngoài → Màng nhĩ → Các xương tai giữa → Ốc tai → Tế bào thụ cảm âm thanh.

**d) Tổ chức thực hiện:**

| **Hoạt động của GV - HS** | **Nội dung** |
| --- | --- |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập**  - Yêu cầu học sinh quan sát H17.9 SGK/88, trả lời câu hỏi:  H6: Nêu cấu tạo cơ quan thính giác?  H7: Kể tên các bộ phận cấu tạo của tai?  H8: Viết sơ đồ truyền âm từ nguồn âm đến tế bào thụ cảm thính giác ở ốc tai?  **\* HS thực hiện nhiệm vụ**  - Hoạt động nhóm thực hiện nhiệm vụ.  **\* Báo cáo, thảo luận**  - Cử đại diện trình bày, nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định**  - GV đánh giá, nhận xét. | 2. Cơ quan thính giác:  a. Cấu tạo, chức năng:  - Cấu tạo của cơ quan thính giác gồm: tai, dây thần kinh thính giác, trung khu thính giác.  - Cấu tạo của tai: Tai ngoài (gồm vành tai, ống tai ngoài), tai giữa (có màng nhĩ, chuỗi xương tai, või nhĩ) và tai trong (có ốc tai chứa các tế bào cảm thụ âm thanh).  -Chức năng: Nhận biết âm thanh.  b. Một số bệnh về tai.  - Một số bệnh về tai: Viêm tai ngoài, viêm tai giữa, tổn thương tai trong,….  - Cách phòng một số bệnh về tai:  + Thực hiện vệ sinh tai đúng cách, tránh dùng các vật nhọn, sắc để ngoáy tai hay lấy ráy tai.  + Cần giữ vệ sinh để tránh viêm họng, nhiễm khuẩn gây viêm tai.  + Hạn chế tiếng ồn, không nghe âm thanh có cường độ cao. |

**3. Hoạt động 3: Luyện tập** (5 phút)

**a) Mục tiêu:**

- Củng cố kiến thức về cơ quan thính giác.

**b) Nội dung:**

- H9: Nêu thêm tên và cách phòng tránh một số bệnh về tai.

**c) Sản phẩm:**

- Một số bệnh về tai: ù tai, chàm tai, viêm ống tai ngoài, tắc nghẽn ráy tai ở trẻ em…

- Cách phòng một số bệnh về tai:

+ Thực hiện vệ sinh tai đúng cách, tránh dùng các vật nhọn, sắc để ngoáy tai hay lấy ráy tai.

+ Cần giữ vệ sinh để tránh viêm họng, nhiễm khuẩn gây viêm tai.

+ Hạn chế tiếng ồn, không nghe âm thanh có cường độ cao.

**d) Tổ chức thực hiện:**

| **Hoạt động của GV - HS** | **Tiến trình nội dung** |
| --- | --- |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập**  - Gv yêu cầu học sinh nêu thêm tên và cách phòng tránh một số bệnh về tai.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ**  - Hs làm việc ca nhân để hoàn thành nhiệm vụ  **\* Báo cáo, thảo luận**  - Gv gọi 1-2 học sinh trả lời câu hỏi.  **\* Kết luận, nhận định**  -Hs nhận xét, đánh giá, bổ sung.  - Gv nhận xét, đánh giá. |  |

**4. Hoạt động 4: Vận dụng** (4 phút)

**a) Mục tiêu:**

- Dựa vào kiến thức đã học giải thích được hiện tượng thực tế.

**b) Nội dung:**

- Giải thích tại sao những người làm việc hoặc sống trong môi trường có âm thanh cường độ cao thường xuyên như công nhân nhà máy dệt, người sống gần đường tàu,… dễ bị giảm thính lực?

**c) Sản phẩm:**

- Những người làm việc hoặc sống trong môi trường có âm thanh cường độ cao thường xuyên như công nhân nhà máy dệt, người sống gần đường tàu,… dễ bị giảm thính lực vì: Âm thanh với cường độ cao thường xuyên có thể làm tổn thương các tế bào cảm thụ âm thanh nằm ở ốc tai. Khi các tế bào cảm thụ âm thanh bị tổn thương, tùy mức độ tổn thương, sẽ hạn chế hoặc làm mất khả năng hình thành xung thần kinh để truyền tới trung khu thính giác, dẫn đến việc cảm nhận âm thanh bị hạn chế (giảm thính lực).

**d) Tổ chức thực hiện:**

| **Hoạt động của GV - HS** | **Tiến trình nội dung** |
| --- | --- |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập**  - Dựa vào kiến thức đã học: Giải thích tại sao những người làm việc hoặc sống trong môi trường có âm thanh cường độ cao thường xuyên như công nhân nhà máy dệt, người sống gần đường tàu,… dễ bị giảm thính lực?  **\* HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS hoạt động cá nhân trả lời câu hỏi.  **\* Báo cáo, thảo luận**  - Gọi 1-2 học sinh trình bày.  **\* Kết luận, nhận định**  -GV nhận xét, đánh giá hoạt động học. |  |

**⏩ Hướng dẫn tự học ở nhà** (1 phút)

-